TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13-9-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Ông Nguyễn Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Danh Thị Hồng Q, sinh năm 1996; Thường trú: Đường số T, tổ H, thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; Nơi ở hiện nay: Tổ H, khu phố S, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Bùi Ngọc D, sinh năm 1992; Thường trú: Đường số T, tổ H, thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Chị Q có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Anh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 07/3/2022, biên bản làm việc ngày 18/5/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Danh Thị Hồng Q trình bày:

Khi nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, giữa chị Q và anh Bùi Ngọc D đã thống nhất được với nhau toàn bộ nội dung về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, khi Tòa án triệu tập anh Bùi Ngọc D 02 lần đến làm việc vào ngày 19/4/2022 và ngày 10/5/2022, thì anh D không đến, anh D còn tỏ thái độ không hợp tác với chị Q, mặc dù chị Q đã nói chuyện với anh D. Giữa chị Q và anh D đã không còn đồng thuận quan điểm về những nội dung đã thỏa

thuận trước đó, vì vậy chị Q yêu cầu Tòa án chuyển việc hôn nhân về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa chị và anh D sang vụ án khởi kiện về tranh chấp ly hôn, nuôi con, trong đó chị Q với tư cách là người khởi kiện, anh D là người bị kiện.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh Bùi Ngọc D tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 06 tháng thì năm 2015 tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2015 quyển số 01/2015, ngày 27/3/2015.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại tỉnh Bình Dương khoảng nửa năm, cuối năm 2015 về huyện Đ thuê nhà ở, đến cuối năm 2016 thì vợ chồng xây dựng nhà ở tại Đường số T, tổ H, thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận sinh sống cho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D thường xuyên đi uống rượu, cờ bạc nên bao nhiêu tiền làm ra đều không đưa cho chị Q chăm lo cho gia đình. 01 mình chị Q phải gánh vác mọi chuyện. Có lúc anh D còn đánh chị Q, chửi mắng, xúc phạm cha mẹ chị Q. Khi đi uống rượu về say sỉn, anh D còn đập phá đồ đạc, đuổi chị Q ra khỏi nhà vì anh D cho rằng nhà xây dựng trên đất cha mẹ anh là của anh. Tháng 03/2022, chị Q cùng các con về nhà mẹ ruột tại thị trấn Đ sinh sống cho đến nay. Vợ chồng cũng ly thân từ đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay, chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, chị Q yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Ngọc D.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Ngọc Thiên L, sinh ngày 07/7/2016 và Bùi Ngọc Ánh L1, sinh ngày 26/12/2020. Hiện nay các con đang ở cùng với chị Q. Trong suốt thời gian các con ở cùng chị Q tại nhà mẹ ruột của chị Q, anh D ít qua lại thăm con, cũng không gửi tiền để chị Q lo cho các con, một mình chị Q nuôi con có sự hỗ trợ của mẹ ruột chị Q. Hiện nay, chị Q đang làm Công ty Dona Standard Footwear, làm việc trong giờ hành chính, lương hàng tháng trung bình là 9.500.000 đồng/tháng. Chị Q có nộp cho Tòa án phiếu lương của 03 tháng 02, 03, 04/2022. Chị Q đang cho con lớn học trường mẫu giáo của Nhà nước, còn con nhỏ chị Q cho học trường tư, mọi chi phí chăm sóc, đi học của con là do một mình chị Q gánh vác. Chị Q tự nhận thấy có đủ khả năng để nuôi con. Vì vậy, khi ly hôn, chị Q yêu cầu được là người trực tiếp nuôi 02 con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

+ Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Bùi Ngọc D đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh D không đến Toà án làm việc, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ngày 02/8/2022, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống giữa chị Danh Thị Hồng Q và anh Bùi Ngọc D tại địa phương và được cung cấp: Chị Q và anh D là vợ chồng, có 02 con chung. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Anh D

không có nghề nghiệp ổn định, vợ chồng từng có mâu thuẫn về việc anh D không lo cho kinh tế gia đình; đầu năm 2022, chị Q có gọi báo cho chính quyền địa phương về việc bị anh D đánh. Từ tháng 3/2022, chị Q cùng các con về thị trấn Đ sinh sống cho đến nay. Anh D vẫn đang sinh sống tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án: nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Vợ chồng chị Q, anh D kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, do đó hôn nhân là hợp pháp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Q, anh D đã trầm trọng thể hiện ở việc chị Q cho rằng anh D thường xuyên đi uống rượu, cờ bạc nên bao nhiêu tiền làm ra đều không đưa cho chị Q chăm lo cho gia đình. 01 mình chị Q phải gánh vác mọi chuyện. Có lúc anh D còn đánh chị Q, chửi mắng, xúc phạm cha mẹ chị Q. Tháng 03/2022, chị Q cùng các con về nhà mẹ ruột tại thị trấn Đức Tài sinh sống cho đến nay. Vợ chồng cũng ly thân từ đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Điều này trùng khớp với nội dung biên bản xác minh tại địa phương. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng của chị Q, anh D không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Q yêu cầu ly hôn cần chấp nhận; Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Ngọc Thiên L, sinh ngày 07/7/2016 và Bùi Ngọc Ánh L1, sinh ngày 26/12/2020, chị Q yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; nhận thấy con chung hiện nay đang sống cùng chị Q, để đảm bảo sự phát triển toàn diện về tâm, sinh, lý cần giao con chung cho chị Q nuôi dưỡng là phù hợp; Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 07/3/2022, chị Danh Thị Hồng Q và anh Bùi Ngọc D nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Tuy nhiên, khi Tòa án triệu tập anh Bùi Ngọc D 02 lần đến làm việc vào ngày 19/4/2022 và ngày 10/5/2022, thì anh D không đến. Tại biên bản làm việc ngày 18/5/2022, chị Q thừa nhận anh D không còn đồng thuận quan điểm về những nội dung đã thỏa thuận trước đó; chị Q yêu cầu Tòa án chuyển việc hôn nhân về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa chị và anh D sang vụ án khởi kiện về tranh chấp ly hôn, nuôi con, trong đó chị Q với tư cách là người khởi kiện, anh D là

người bị kiện. Theo quy định tại Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết việc Hôn nhân gia đình số 60/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2022 và thụ lý vụ án hôn nhân gia đình để giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 26/8/2022 và ngày 13/9/2022 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Danh Thị Hồng Q và anh Bùi Ngọc D tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 06 tháng thì năm 2015 tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2015 quyển số 01/2015, ngày 27/3/2015, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[4] Trong quá trình chung sống, chị Danh Thị Hồng Q cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D thường xuyên đi uống rượu, cờ bạc nên bao nhiêu tiền làm ra đều không đưa cho chị Q chăm lo cho gia đình, 01 mình chị Q phải gánh vác mọi chuyện. Có lúc anh D còn đánh chị Q, chửi mắng, xúc phạm cha mẹ chị Q. Khi đi uống rượu về say sỉn, anh D còn đập phá đồ đạc, đuổi chị Q ra khỏi nhà. Tháng 03/2022, chị Q cùng các con về nhà mẹ ruột tại thị trấn Đức Tài sinh sống cho đến nay. Vợ chồng cũng ly thân từ đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, chị Q yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Ngọc D.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập anh Bùi Ngọc D đến làm việc để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh D không có mặt. Bên cạnh đó, chị Danh Thị Hồng Q cũng có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải với anh Bùi Ngọc D. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của anh chị đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

[5] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc anh Bùi Ngọc D bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân, cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Q và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 03/2022 cho đến nay, chị Q và anh D đã không còn sống cùng nhau, không quan tâm nhau, cùng nhau chăm sóc con chung. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Danh Thị Hồng Q.

[6] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Ngọc Thiên L, sinh ngày 07/7/2016 và Bùi Ngọc Ánh L1, sinh ngày 26/12/2020. Trong quá trình tố tụng, Tòa án nhiều lần triệu tập anh D đến làm việc nhưng anh D không đến, không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Xét thấy, khi giải quyết ly hôn, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi thì phải đảm bảo được sự phát triển toàn diện về mọi mặt cho đứa trẻ. Xét, các con chung đều còn nhỏ tuổi, trong đó, cháu

Bùi Ngọc Ánh L1 chưa đủ 36 tháng tuổi, cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ. Hiện nay, các con chung đang sống cùng chị Q, bên cạnh đó, chị Q có công việc và thu nhập ổn định. Nhận thấy, yêu cầu của chị Q về việc được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[8] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn, nuôi con của chị Danh Thị Hồng Q đối với anh Bùi Ngọc D. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Danh Thị Hồng Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[10] Về xử lý lệ phí dân sự sơ thẩm: Trả lại cho anh Bùi Ngọc D 150.000 đồng lệ phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 150.000 đồng lệ phí hôn nhân sơ thẩm chị Q đã nộp vào tiền án phí ly hôn chị Q phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273, Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Danh Thị Hồng Q đối với anh Bùi Ngọc D về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Danh Thị Hồng Q được ly hôn với anh Bùi Ngọc D.

1.2. Về con chung: Giao cho chị Danh Thị Hồng Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Bùi Ngọc Thiên L, sinh ngày 07/7/2016 và Bùi Ngọc Ánh L1, sinh ngày 26/12/2020.

Sau ly hôn, chị Danh Thị Hồng Q và anh Bùi Ngọc D đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh D lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Q nuôi con thì chị Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của

con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Danh Thị Hồng Q không yêu cầu anh Bùi Ngọc D cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Danh Thị Hồng Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0009241 ngày 15/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Danh Thị Hồng Q còn phải nộp số tiền 150.000 đồng.

Trả lại cho anh Bùi Ngọc D số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0009241 ngày 15/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung